

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN HUY ĐỨC

**CÁC TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG THEO PHÁP
LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 9380104**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2019

Công trình được hoàn thành tại Học viện Khoa học xã hội

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn

Phản biện 1: GS.TS. Đường Minh Giới

Phản biện 2: PGS.TS. Cao Thị Oanh

Phản biện 2: PGS.TS. Trần Hữu Tráng

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp cơ sở - Học viện Khoa học xã hội

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2019

Có thể tham khảo luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tham nhũng là một trong những trở ngại lớn nhất đối với sự ổn định và phát triển của mỗi quốc gia, làm suy giảm nghiêm trọng các nguồn lực phát triển của đất nước.

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây tình hình tham nhũng nói chung và tình hình các tội phạm về tham nhũng nói riêng có những diễn biến phức tạp ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực và gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân.

Ở thành phố Đà Nẵng, công tác PCTN cũng còn những hạn chế nhất định. Trong số những nguyên nhân của thực trạng đó, còn có một số quy định pháp luật hình sự chưa thật phù hợp, chưa thật đồng bộ và chưa thật khả thi dẫn đến việc xét xử một số vụ án đối với các tội phạm về tham nhũng chưa thật bảo đảm tính thuyết phục, bị Tòa án cấp trên sửa án.

Việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về các tội phạm về tham nhũng; đánh giá thực trạng thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách hình sự của Nhà nước vào các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm về tham nhũng, thực tiễn áp dụng áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm về tham nhũng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, các yếu tố tác động đến việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự, cụ thể là đến việc xét xử các tội phạm về tham nhũng trên địa bàn này, từ đó đề xuất các giải pháp, nhất là giải pháp pháp luật nhằm bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm về tham nhũng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là việc làm có tính cấp thiết, có ý nghĩa lớn về mặt lý luận và thực tiễn.

Bởi những lập luận khái quát và lý do nêu trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài *"Các tội phạm về tham nhũng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng"* để làm luận án tiến sĩ luật học chuyên ngành luật hình sự và tố tụng hình sự với mong muốn góp phần vào công cuộc phòng, chống các tội phạm về tham nhũng ở nước ta hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về các tội phạm về tham nhũng; thực trạng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng; thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng tại thành phố Đà Nẵng trong thời gian từ năm 2007 đến năm 2017; những ưu điểm, hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật hình sự cũng như trong thực tiễn xét xử các tội phạm về tham nhũng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và nguyên nhân của chúng, luận án đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam và các giải pháp khác bảo đảm áp dụng đúng các quy định của

pháp luật hình sự nước ta về các tội phạm về tham nhũng ở nước ta trong tình hình mới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về tham nhũng; phân biệt các tội phạm về tham nhũng với một số tội phạm khác.

- Phân tích, đánh giá thực trạng lập pháp hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Phân tích nội dung các quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về các tội phạm về tham nhũng.

- Phân tích, đánh giá thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với các tội phạm về tham nhũng tại thành phố Đà Nẵng.

- Đề xuất hoàn thiện pháp luật hình sự và các giải pháp khác bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng trong tình hình mới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án lấy các quan điểm khoa học; các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng; các Công ước, điều ước quốc tế về tham nhũng và PCTN; thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt của Tòa án đối với các tội phạm về tham nhũng tại thành phố Đà Nẵng để nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của mình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Luận án nghiên cứu đề tài của mình dưới góc độ chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự.

- Ở khía cạnh lý luận và lịch sử lập pháp hình sự, luận án chỉ đề cập nghiên cứu khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về tham nhũng; phân biệt các tội phạm về tham nhũng với một số tội phạm khác; khái quát quá trình quy định và hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Ở khía cạnh thực tiễn, luận án chủ yếu tập trung phân tích các quy định của BLHS Việt Nam năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về các tội phạm về tham nhũng; thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng trong định tội danh và quyết định hình phạt của Tòa án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đối với các tội phạm về tham nhũng.

- Ở khía cạnh không gian (địa bàn) nghiên cứu, luận án giới hạn nghiên cứu tại thành phố Đà Nẵng.

- Ở khía cạnh thời gian nghiên cứu, luận án giới hạn nghiên cứu trong thời gian 10 năm, từ năm 2007 đến năm 2017.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước về tội phạm, về hình phạt, về cải cách tư pháp, về PCTN. Luận án còn được thực hiện dựa trên các cách tiếp cận đa ngành, liên ngành luật học, nhất là các cách tiếp cận của khoa học luật hình sự, xã hội học luật hình sự, tội phạm học...

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án còn sử dụng trong một tổng thể các phương pháp nghiên cứu cụ thể như:

- Các phương pháp lịch sử cụ thể, phân tích, quy nạp, hệ thống hóa, so sánh được sử dụng chủ yếu để nghiên cứu các vấn đề tại chương 2.
- Các phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học được áp dụng để nghiên cứu các vấn đề tại chương 3, qua đó rút ra những ưu điểm, những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế để làm tiền đề cho việc đề xuất các giải pháp ở chương 4 của luận án.
- Các phương pháp phân tích, hệ thống được sử dụng chủ yếu tại chương 4.

5. Ý nghĩa và các đóng góp mới của luận án

5.1. Ý nghĩa của luận án

- *Ý nghĩa về mặt lý luận:* Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm giàu thêm lý luận về PCTN nói chung, các tội phạm về tham nhũng nói riêng; đồng thời, góp phần luận giải tính phổ biến và tính đặc thù của các hành vi tham nhũng, việc xử lý hành vi tham nhũng.

- *Ý nghĩa về mặt thực tiễn:* Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần trang bị kiến thức thực tiễn cho các cơ quan có thẩm quyền, nhất là các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của việc xét xử các tội phạm về tham nhũng ở nước ta nói chung và tại thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Với những kết quả nghiên cứu về lý luận và thực tiễn nêu trên, luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo giảng dạy và học tập tại các cơ sở đào tạo luật ở nước ta hiện nay.

5.2. Những đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án làm rõ mối liên hệ giữa các quy định của pháp luật hình sự nước ta về các tội phạm về tham nhũng với chính sách hình sự nói chung và chính sách pháp luật hình sự nói riêng về các tội phạm này, qua đó luận án làm sáng tỏ tính quyết định về mặt xã hội của các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm về tham nhũng.

Thứ hai, luận án làm rõ nội hàm của khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về tham nhũng, những điểm giống nhau và khác nhau giữa các tội phạm về tham nhũng và một số tội phạm khác, tính kế thừa và phát triển của các quy định pháp luật về các tội phạm về tham nhũng ở nước ta.

Thứ ba, luận án làm rõ thực trạng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về các tội phạm về tham nhũng và thực tiễn áp dụng trong định tội danh và quyết định hình phạt tại các Tòa án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Thứ tư, luận án đề xuất được các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng ở nước ta hiện nay.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Những vấn đề lý luận và lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Chương 3: Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về các tội phạm về tham nhũng và thực tiễn áp dụng tại thành phố Đà Nẵng

Chương 4: Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

- Bài viết “*Corruption, integrity and law enforcement*” (Tham nhũng, sự ngay thẳng và cường chế của pháp luật) của tác giả Fijnaut được công bố trong ấn phẩm của C.J.C.F.Fijnaut, & L. Huberts (Eds.), trang 3-37), năm 2001.

- Bài viết “*Public Corruption*” (Tham nhũng trong lĩnh vực công) do Brian Whittaker và Jordan Hicks tập hợp trong 45 Am. Crim. L. Rev. 825 2008 và được Ashley Kircher đăng trên tạp chí American Law Review và trang cơ sở dữ liệu Heinonline năm 2008.

- Cuốn sách “*Corruption and misuse of public office*” (Tham nhũng và vi phạm của cơ quan công quyền) của các tác giả Colin Nicholls QC, Timothy Daniel, Alan Bacarese, and John Hatchard do Nhà xuất bản Oxford University Press xuất bản năm 2011.

- Cuốn sách “*Corruption offences*” (Tội phạm về tham nhũng) của Lenny Roth, được giới thiệu trên phiên bản điện tử của NSW Parliamentary Research Service (Cơ quan nghiên cứu Nghị viện của bang New South Wales – Liên bang Úc), 11/2013.

- Cuốn sách “*Corruption: economic analysis and international law*” (Tham nhũng: phân tích khía cạnh kinh tế và luật quốc tế), của Borlini & Leonardo S do Nhà xuất bản Edward Elgar Publishing Ltd xuất bản năm 2014.

- Cuốn sách “*Canada's Corruption Of Foreign Public Officials Act And Secret Commissions Offense*” (Đạo luật của Canada về tham nhũng của

công chức nước ngoài và hành vi phạm tội tham nhũng), trích dẫn: 29 Am.U.Int'l L. Rev. 369 2013-2014, của Stuart H. Deming.

- Cuốn sách "*Corruption and conflicts of interest: a comparative law approach*" (Tham nhũng và xung đột lợi ích: cách tiếp cận luật học so sánh) của nhóm tác giả Jean-Bernard Auby, Emmanuel Breen và Thomas Perroud, năm 2014.

- Cuốn sách "*Liability of Legal Persons for Corruption in Eastern Europe and Central Asia*" (Trách nhiệm pháp lý của pháp nhân đối với tội phạm về tham nhũng theo pháp luật Đông Âu và Trung Á) được biên soạn bởi Nhóm liên kết chống tham nhũng cho khu vực Đông Âu và Trung Á thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) năm 2015.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu lý luận về các tội phạm về tham nhũng

Nhóm này có thể đề cập đến một số công trình nghiên cứu cơ bản sau:

- Đề tài khoa học độc lập cấp nhà nước "*Luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược phòng ngừa và nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam cho đến năm 2020*" do tác giả Mai Quốc Bình, Phó Tổng thanh tra cùng tập thể tác giả thuộc Thanh tra Chính phủ thực hiện và bảo vệ thành công năm 2009.

- Đề tài khoa học cấp Bộ "*Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác chống tham nhũng của các cơ quan thanh tra nhà nước theo Luật phòng, chống tham nhũng*" do TS. Trần Ngọc Liêm, Thanh tra Chính phủ làm chủ nhiệm và đã bảo vệ thành công năm 2010.

- Đề tài khoa học cấp Bộ "*Các biện pháp đảm bảo quyền được thông tin của công dân phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng*" do Ths. Đinh Văn Minh, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ làm Chủ nhiệm, bảo vệ thành công năm 2012.

- Đề tài khoa học cấp trường "*Các tội phạm về tham nhũng có tính chiếm đoạt tài sản và đấu tranh phòng, chống các tội phạm này ở Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế*" do Trường Đại học Luật Hà Nội thực hiện, đã bảo vệ thành công năm 2008.

- Cuốn sách "*Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*" của tác giả Phan Xuân Sơn, Phạm Thế Lực (Đồng chủ biên) do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2012.

- Cuốn sách "*Lý luận chung về định tội danh*" của GS.TS Võ Khánh Vinh do Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành 2013.

- Luận án Tiến sĩ luật học "*Phòng, chống tham nhũng trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay*" của tác giả Phạm Thị Huệ bảo vệ năm 2016 tại Học viện khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngoài ra, còn có những công trình được công bố, đăng tải trên các tạp chí đề cập đến một số vấn đề lý luận liên quan đến tội phạm về tham nhũng như:

“Vấn đề lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” của PGS.TS. Trần Văn Độ đăng trên tạp chí Nhà nước và Pháp luật năm 1993; “Khái niệm người có chức vụ, quyền hạn” của GS.TS Võ Khánh Vinh đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật năm 1996; “Một số vấn đề về tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa” của PGS.TS. Trần Văn Độ đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân năm 1997; “Những nguyên nhân và điều kiện của tham nhũng ở nước ta hiện nay” của GS.TS. Hồ Trọng Ngũ đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật năm 2001; “Minh bạch hóa hoạt động của Nhà nước” của TS. Lê Vương Long đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 11 (2005); “Nhận diện tham nhũng ở Việt Nam hiện nay, nguyên nhân và giải pháp phòng, chống” đăng trên <http://noichinh.vn> (cập nhật ngày 03/01/2014)...

1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về giải pháp áp dụng đúng các quy định pháp luật hình sự về các tội phạm về tham nhũng và nâng cao hiệu quả đấu tranh với các tội phạm về tham nhũng

Nhóm này có thể kể đến một số công trình nghiên cứu như: “*Cần thiết phải quy định TNHS của pháp nhân*” của tập thể tác giả Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Văn Chinh đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 195 (5/2011); “*Bình luận khoa học BLHS năm 1999 (Phần các tội phạm)*” của PGS. TS. Phùng Thế Vác xuất bản năm 2001; “*Bình luận BLHS năm 1999*” của Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, xuất bản năm 2001; Giáo trình Luật hình sự Việt Nam của Đại học Huế, xuất bản năm 2008; Cuốn sách “*Bình luận BLHS Việt Nam*” của tác giả Đinh Văn Quế, xuất bản năm 2002; “*Diễn mới về các tội phạm chức vụ trong BLHS 2015*” của tác giả Đào Lê Thu đăng trên <https://tapchitoaan.vn> (cập nhật ngày 25/7/2018); “*Những nội dung mới của BLHS năm 2015 về các tội phạm về chức vụ*” của tác giả Lê Thị Hoà đăng trên <http://tcdcp.l.moj.gov.vn> (cập nhật ngày 25/7/2018)...

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu ở nước ngoài hướng vào nghiên cứu cơ sở lý luận của tham nhũng trong các lĩnh vực chính trị, quản lý công, pháp luật, kinh tế và đời sống xã hội và rút ra kết luận là tham nhũng xuất phát từ tính không ngay thẳng trong thực thi pháp luật. Một số công trình nghiên cứu có tiếp cận nghiên cứu tham nhũng bằng cả cách tiếp cận luật học so sánh, qua đó cho thấy các nước có hệ thống pháp luật khác nhau, có cách tiếp cận khác nhau đối với tham nhũng và các tội phạm về tham nhũng. Kết quả nghiên cứu này gợi mở cho nghiên cứu sinh cần tiếp cận trong một tổng thể các cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau để xây dựng khái niệm về các tội phạm về tham nhũng một cách đa chiều, đa phương diện, lột tả được bản chất của các tội phạm về tham nhũng. Ngoài ra, kết quả tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài giúp nghiên cứu sinh bước đầu nhận diện được thực trạng pháp luật quốc tế về tham nhũng và cách tiếp cận nghiên cứu các tội phạm về tham nhũng. Điều này giúp

nghiên cứu sinh so sánh thực trạng pháp luật nước ngoài với thực trạng pháp luật Việt Nam về tham nhũng, các tội phạm về tham nhũng, luận giải một số vấn đề, nhất là giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu ở trong nước chủ yếu tập trung nghiên cứu khái niệm về tham nhũng; nguyên nhân của tham nhũng và các giải pháp phòng, chống tham nhũng; cơ chế kiểm soát, phát hiện, xử lý tham nhũng; cơ sở lý luận của hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng; mối quan hệ giữa sự minh bạch hoạt động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước và tham nhũng; thực trạng pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam... Đồng thời các công trình nghiên cứu ở trong nước tập trung phân tích thực trạng các tội phạm về tham nhũng và thực trạng xử lý (hình sự) đối với loại tội phạm này, đưa ra phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng ở nước ta.

Thứ ba, những công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố mà nghiên cứu sinh đã tham khảo và tổng quan, mặc dù có những đóng góp nhất định cho việc nhận thức thống nhất một số vấn đề lý luận, xây dựng và hoàn thiện pháp luật, áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng, song đứng trước những yêu cầu mới của công tác phòng chống tham nhũng, chúng không còn đáp ứng một cách đầy đủ, toàn diện cả về lý luận lẫn về thực tiễn cho cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng nói chung, các tội phạm về tham nhũng nói riêng.

Thứ tư, vấn đề về tham nhũng và các tội phạm về tham nhũng mang tính thời sự, có ý nghĩa quan trọng về tư tưởng, lý luận và thực tiễn đối với phòng, chống tham nhũng. Tuy vậy, các tội phạm về tham nhũng chỉ được quan tâm nghiên cứu trong phạm vi chuyên môn hẹp của ngành khoa học nhất định mà chưa trở thành đối tượng nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực của khoa học xã hội, trong đó có khoa học pháp lý, bởi vậy, kết quả nghiên cứu chưa mang tính tổng thể. Rõ ràng, cần phải có công trình nghiên cứu ở cấp độ luận án tiến sĩ về các tội phạm về tham nhũng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ góc độ thực tiễn xét xử tại một địa bàn như thành phố Đà Nẵng chẳng hạn. Công trình nghiên cứu đó phải được tiến hành nghiên cứu một cách toàn diện, chuyên sâu về các tội phạm về tham nhũng dưới góc độ luật hình sự và tố tụng hình sự với các cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau, đặc biệt là cách tiếp cận nghiên cứu chính sách, cách tiếp cận xã hội học luật hình sự, cách tiếp cận luật học so sánh...

Cũng từ việc tổng quan và đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trên đây, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục nghiên cứu các vấn đề sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu làm rõ nội hàm của khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về tham nhũng.

Thứ hai, phân biệt các tội phạm về tham nhũng với một số tội phạm khác, từ đó làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau của chúng.

Thứ ba, khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thứ tư, phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật hình sự nước ta trong định tội danh và quyết định hình phạt của Tòa án tại thành phố Đà Nẵng đối với các tội phạm về tham nhũng.

Thứ năm, lập luận và đề xuất các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng.

Tóm lại, luận án sẽ đi sâu phân tích các nội dung sau: (i) Khái niệm tham nhũng và tội phạm về tham nhũng; các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về tham nhũng; cơ sở xác định TNHS đối với các tội phạm về tham nhũng; quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng; xu hướng đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng trong hệ thống tư pháp hình sự thế giới và Việt Nam. (ii) Nghiên cứu, đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử đối với các tội phạm về tham nhũng ở Việt Nam nói chung, ở thành phố Đà Nẵng nói riêng. (iii) Phân tích các yêu cầu đấu tranh PCTN ở Việt Nam giai đoạn hiện nay, định hướng năm 2030 và các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam nhằm bảo đảm hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng ở Việt Nam trong tình hình mới.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ LẬP PHÁP HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG ĐẾN TRƯỚC KHI BAN HÀNH BLHS NĂM 2015

2.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về tham nhũng

2.1.1. Khái niệm các tội phạm về tham nhũng

Các tội phạm về tham nhũng là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự do người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó thực hiện trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước, các tổ chức trong xã hội; xâm phạm uy tín của cơ quan, tổ chức; xâm phạm tài sản, lợi ích của Nhà nước, của tổ chức; xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, của công dân vì động cơ vụ lợi.

2.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về tham nhũng

2.1.2.1. Khách thể của các tội phạm về tham nhũng

Khách thể loại của các tội phạm về tham nhũng, đó là những quan hệ xã hội tạo nên nội dung hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước, của các tổ chức trong xã hội, uy tín của các cơ quan, tổ chức đó, đặc biệt là uy tín

của Đảng vốn giữ vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội; quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, công dân.

Khách thể trực tiếp của một tội phạm tham nhũng là quan hệ xã hội bị một tội phạm tham nhũng cụ thể xâm hại trực tiếp gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho nó.

2.1.2.2. Mặt khách quan của các tội phạm về tham nhũng

Đối với các tội phạm về tham nhũng, hành vi nguy hiểm cho xã hội là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (hành động hoặc không hành động) do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện.

Hậu quả nguy hiểm cho xã hội là cơ sở quan trọng để định tội danh và cá thể hóa TNHS đối với các tội phạm về tham nhũng.

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội với hậu quả do hành vi phạm tội gây ra là dấu hiệu bắt buộc đối với các tội phạm về tham nhũng có cấu thành vật chất, bởi vì về nguyên tắc và theo logic thì hành vi phạm tội phải là nguyên nhân chính, nguyên nhân trực tiếp và có tính tất yếu làm phát sinh hậu quả.

2.1.2.3. Chủ thể của các tội phạm về tham nhũng

Đối với các tội phạm về chức vụ, bởi yếu tố chức vụ, quyền hạn và lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi mà chủ thể của các tội phạm về tham nhũng phải là cá nhân. Như vậy, đối với các tội phạm về tham nhũng, ngoài hai điều kiện về độ tuổi và năng lực TNHS thì chủ thể của các tội phạm về tham nhũng phải là người có chức vụ, quyền hạn.

2.1.2.4. Mặt chủ quan của các tội phạm về tham nhũng

Mặt chủ quan của các tội phạm về tham nhũng có các dấu hiệu lỗi, động cơ phạm tội, mục đích phạm tội. Đối với các tội phạm về tham nhũng có dấu hiệu lỗi cố, người thực hiện hành vi phạm tội đều thể hiện rõ động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác.

Mục đích của người phạm tội được thể hiện qua ý thức chủ quan về kết quả đặt ra phải đạt được khi thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, động cơ vụ lợi và mục đích chiếm đoạt tài sản hoặc lợi ích khác là dấu hiệu bắt buộc trong mặt chủ quan của các tội phạm về tham nhũng.

2.1.3. Phân biệt các tội phạm về tham nhũng với các tội phạm khác

Những điểm giống nhau:

Một là, chủ thể là người có chức vụ, quyền hạn.

Hai là, người có chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi trái với công vụ, nhiệm vụ được giao.

Ba là, đều xâm hại đến uy tín và hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Những điểm khác nhau:

Thứ nhất, nếu như tất cả các tội phạm về tham nhũng đều có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn thì không phải tất cả các tội phạm có yếu tố chức vụ, quyền hạn nhưng không phải là tội phạm tham nhũng có tính tiết đó.

Thứ hai, nếu như tất cả các tội phạm về tham nhũng đều có lỗi cố ý thì không phải tất cả các tội phạm khác có yếu tố chức vụ, quyền hạn có lỗi này.

Thứ ba, nếu như tất cả các tội phạm về tham nhũng đều có động cơ vụ lợi nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản hoặc lợi ích khác thì các tội phạm khác có yếu tố chức vụ, quyền hạn không có động cơ, mục đích phạm tội đó.

2.2. Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về các tội phạm về tham nhũng đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

2.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985.

Trong giai đoạn này Nhà nước ban hành một loạt các đạo luật trong đó có quy định các hành vi tham nhũng bị coi là tội phạm và các biện pháp trừng trị chúng để góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Cụ thể như:

- Sắc lệnh số 223/SL ngày 27/11/1946 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

- Sắc lệnh 267/SL ngày 15/6/1956 Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quy định trừng trị những âm mưu và hoạt động phá hoại tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch Nhà nước.

- Pháp lệnh trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản XHCN ngày 21/10/1970 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Pháp lệnh trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản riêng của công dân ngày 21/10/1970 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Sắc luật số 03/SL ngày 15/3/1976 của Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời Miền Nam Việt Nam.

- Pháp lệnh trừng trị các tội hối lộ ngày 20/5/1981 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Qua khái quát các quy định về các tội phạm về tham nhũng như trên, có thể thấy rằng ngay từ khi giành độc lập, chính sách hình sự của Nhà nước ta đã thể hiện thái độ lên án và kiên quyết đấu tranh với các tội phạm về tham nhũng, tuy nhiên về mặt lập pháp, các tội phạm về tham nhũng chưa được quy định cụ thể, nhất là các dấu hiệu cấu thành tội phạm.

2.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1999

Dấu mốc lập pháp thể hiện chính sách hình sự nhất quán của Nhà nước ta đối với các tội phạm về tham nhũng trong giai đoạn từ năm 1985 đến trước khi ban hành BLHS năm 1999 là BLHS năm 1985 được Quốc hội ban hành vào ngày 27/6/1985 (được sửa đổi, bổ sung 4 lần vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997), theo đó nhà làm luật dành một chương riêng quy định

những hành vi phạm tội tham nhũng và hình phạt đối với chúng phù hợp với tình hình mới.

Thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS 1985 cho thấy rằng mặc dù đã được hoàn thiện qua các lần sửa đổi nhưng cũng còn những tồn tại, bất cập nhất định, đòi hỏi phải bổ sung một số tội phạm để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn mới, trong đó có các tội phạm về tham nhũng. Với yêu cầu cấp bách đó, ngày 21/12/1999, Quốc hội đã thông qua BLHS, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2000 (*gọi tắt là BLHS năm 1999*), thay thế cho BLHS năm 1985.

2.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1999 đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

So với BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 đã quy định các tội phạm về tham nhũng thành một mục riêng. Điểm mới của BLHS 1999 so với BLHS 1985 là đã phân định rõ các tội phạm về tham nhũng với các tội phạm về chức vụ khác.

Tuy nhiên, do được ban hành từ năm 1999 nên BLHS 1999 chưa thể chế hoá được đầy đủ những quan điểm, chủ trương mới của Đảng và chính sách hình sự của Nhà nước ta, vì vậy, ngày 27/11/2015, Quốc hội đã thông qua BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (*có hiệu lực từ ngày 01/01/2018*), theo đó quy định các tội phạm về tham nhũng tại mục 1, Chương XXIII, gồm 07 tội: Tội tham ô tài sản (Điều 353); Tội nhận hối lộ (Điều 354); Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355); Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356); Tội lạm dụng quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357); Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358); Tội giả mạo trong công tác (Điều 359).

Chương 3

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về các tội phạm về tham nhũng.

3.1.1. Tội tham ô tài sản (Điều 353)

- *Khách thể của tội tham ô tài sản:*

Tội tham ô tài sản xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, quyền sở hữu về tài sản.

- *Mặt khách quan của tội tham ô tài sản:*

Tội tham ô tài sản có các dấu hiệu bắt buộc là: lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; tài sản bị chiếm đoạt là tài sản của người phạm tội được giao quản lý; tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ 2.000.000 đồng đến

dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới hai triệu đồng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội được quy định tại mục 1, Chương XXIII, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

- *Chủ thể của tội tham ô tài sản:*

Tội tham ô là người có chức vụ, quyền hạn có trách nhiệm quản lý tài sản. Người đó có thể là người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước hoặc ngoài nhà nước.

- *Mặt chủ quan của tội tham ô tài sản:*

Tội tham ô được thực hiện do cố ý trực tiếp với mục đích phạm tội là vụ lợi.

Tại Điều 353 của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, nhà làm luật quy định 4 khung hình phạt đối với tội tham ô tài sản.

Ngoài ra, theo khoản 5 và khoản 6, người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.

3.1.2. Tội nhận hối lộ (Điều 354)

- *Khách thể của tội nhận hối lộ:* Tội nhận hối lộ xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội hoặc các doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước, uy tín của các cơ quan hoặc tổ chức đó.

- *Mặt khách quan của tội nhận hối lộ:*

Tội nhận hối lộ có các dấu hiệu: lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian đã hoặc sẽ nhận lợi ích phi vật chất hoặc tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới hình thức bất kỳ nào có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội được quy định tại mục 1, chương XXIII BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ.

- *Chủ thể của tội nhận hối lộ:*

Chủ thể của tội nhận hối lộ là người có chức vụ, quyền hạn. Người đó có thể là người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước hoặc ngoài nhà nước.

- *Mặt chủ quan của tội nhận hối lộ:*

Tội nhận hối lộ được thực hiện do cố ý trực tiếp và mục đích vụ lợi.

Tại Điều 354 của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định 4 khung hình phạt đối với tội nhận hối lộ.

- Ngoài ra, theo khoản 5 và khoản 6 của Điều 354, người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn

bộ tài sản. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà nhận hối lộ, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.

3.1.3. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355)

- Khách thể của tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản:

Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, quyền sở hữu về tài sản của người khác.

- Mặt khách quan của tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản:

Tội phạm này có các dấu hiệu đặc trưng bắt buộc sau: lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản. Ở mặt khách quan của tội phạm này, cần lưu ý là việc lạm dụng chức vụ, quyền hạn có thể là thực hiện hành vi vượt quá phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao dưới các hình thức như lừa dối, lạm dụng tín nhiệm...

- Chủ thể của tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản:

Chủ thể của tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản là người có chức vụ, quyền hạn.

- Mặt chủ quan của tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản:

Tội phạm này được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp. Động cơ phạm tội là vụ lợi.

Tại Điều 355, nhà làm luật quy định 4 khung hình phạt đối với tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Ngoài ra, theo khoản 5 Điều 355, người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

3.1.4. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356)

- Khách thể của tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ:

Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân.

- Mặt khách quan của tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ:

Mặt khách quan tội phạm này có các dấu hiệu bắt buộc là: lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái với công vụ; gây thiệt hại cho lợi ích của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; và mối quan hệ nhân quả giữa việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn và thiệt hại do hành vi đó gây ra.

- Chủ thể của tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ:

Chủ thể của tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ là người có chức vụ, quyền hạn.

- *Mặt chủ quan của tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ:*

Theo quy định thì người phạm tội có lỗi cố ý trực tiếp.

Tại Điều 356, nhà làm luật quy định 3 khung hình phạt đối với tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Ngoài ra, theo khoản 4 Điều 356, người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

3.1.5. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357)

- *Khách thể của tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ:*

Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ xâm phạm hoạt động đúng đắn của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- *Mặt khách quan của tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ :*

Mặt khách quan của tội phạm có ba dấu hiệu bắt buộc: có hành vi vượt quá quyền hạn được giao trong công tác; gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vượt quá quyền hạn và thiệt hại do hành vi đó gây ra.

- *Chủ thể của tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ:*

Chủ thể của tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ là người có chức vụ, quyền hạn.

- *Mặt chủ quan của tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ:*

Tội phạm này thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp.

Tại Điều 357 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, nhà làm luật quy định 4 khung hình phạt đối với tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 357, người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

3.1.6. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi (Điều 358)

- *Khách thể của tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi:*

Tội phạm này xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước hoặc tổ chức, uy tín bình thường của cơ quan hoặc tổ chức đó.

- *Mặt khách quan của tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi:*

Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi có các dấu hiệu sau: lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian đòi, nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về

hành vi này mà còn vi phạm; dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của họ hoặc làm một việc không được phép làm.

- *Chủ thể của tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi:* Chủ thể của tội phạm này là người có chức vụ, quyền hạn.

- *Mặt chủ quan của tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi:* Tội phạm này thể hiện do lỗi cố ý và mục đích vụ lợi.

Tại Điều 358 BLHS năm 2015, nhà làm luật quy định 4 khung hình phạt.

Ngoài ra, theo khoản 5 Điều 358 thì người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

3.1.7. Tội giả mạo trong công tác (Điều 359)

- *Khách thể của tội giả mạo trong công tác:*

Tội giả mạo trong công tác xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước hoặc của các tổ chức

- *Mặt khách quan của tội giả mạo trong công tác:*

Mặt khách quan của tội phạm thể hiện ở việc người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện một trong số các hành vi: sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu; làm, cấp giấy tờ giả; giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn.

- *Chủ thể của tội giả mạo trong công tác:*

Chủ thể của tội phạm này là người có chức vụ, quyền hạn và trong một số trường hợp nhất định thì chủ thể phải là người có trách nhiệm lập hoặc cấp giấy tờ, tài liệu.

- *Mặt chủ quan của tội giả mạo trong công tác:*

Mặt chủ quan của tội phạm này được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp.

Tại Điều 359 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, nhà làm luật quy định 4 khung hình phạt đối với tội giả mạo trong công tác.

Ngoài ra, theo khoản 5 Điều 359 thì Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Trên cơ sở phân tích các tội phạm cụ thể nêu trên, có thể thấy rằng về cơ bản, các tội phạm về tham nhũng trong BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tương tự như các tội phạm về tham nhũng trong BLHS năm 1999 về số tội, tên tội danh và các cấu thành cơ bản của tội phạm. Tuy vậy, so với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có những sửa đổi, bổ sung đối với loại tội phạm này, trong đó đáng lưu ý là:

Thứ nhất, bổ sung khái niệm các tội phạm về chức vụ, theo đó hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ

thực hiện không chỉ trong khi thực hiện công vụ mà còn trong khi thực hiện nhiệm vụ (Điều 352). Điều này có nghĩa là phạm vi các hành vi các hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm không chỉ đối với những người là cán bộ, công chức, viên chức mà còn là những hành vi của những người làm việc trong các doanh nghiệp, công ty ngoài khu vực nhà nước. Chủ thể thực hiện tội phạm tham nhũng được mở rộng sang khu vực ngoài Nhà nước được áp dụng cho 4 tội danh là: “Tội tham ô tài sản”, “Tội nhận hối lộ”, “Tội môi giới hối lộ” và “Tội đưa hối lộ”, trong đó có 2 tội danh tham nhũng là: “Tội tham ô tài sản” (khoản 6, Điều 353) và “Tội nhận hối lộ” (khoản 6, Điều 354).

Thứ hai, quy định hoàn thiện hơn một số cấu thành tội phạm. Ví dụ như hành vi đưa hối lộ được quy định là “Người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác bất kỳ lợi ích nào sau đây để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ” (khoản 1, Điều 354).

Thứ ba, quy định bổ sung “lợi ích phi vật chất” trong cấu thành một số tội phạm về tham nhũng.

Thứ tư, bổ sung cấu thành tăng nặng định khung hình phạt đối với một số tội, quy định cụ thể các tình tiết định tội, định khung hình phạt.

Thứ năm, BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, quy định tăng định lượng về giá trị tiền, tài sản và đã lượng hóa giá trị thiệt hại gây ra trong các trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thành số tiền cụ thể.

Thứ sáu, bổ sung một số chính sách mới về xử lý các tội phạm về tham nhũng như bổ sung lợi ích phi vật chất; bổ sung trường hợp không áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS tại Điều 28 BLHS. Đồng thời, nhằm hạn chế việc áp dụng hình phạt tử hình trên thực tế Điều 40 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “*người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn*” thì sẽ không thi hành án tử hình đối với người bị kết án và chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân.

Từ những phân tích trên đây có thể thấy rằng chính đời sống xã hội quyết định cho việc quy định các tội phạm về tham nhũng trong những giai đoạn phát triển nhất định của cách mạng Việt Nam. Sự tác động của đời sống xã hội, của đường lối, chủ trương của Đảng, của chính sách hình sự của Nhà nước đến việc quy định các tội phạm về tham nhũng thể hiện không chỉ ở nội dung mà còn ở cả kỹ thuật lập pháp.

3.2. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật hình sự về các tội phạm về tham nhũng tại thành phố Đà Nẵng

Theo báo cáo của TAND thành phố Đà Nẵng, trong 10 năm (từ năm 2007 đến 30/12/2017), các TAND ở thành phố Đà Nẵng đã xét xử 13 vụ án với 26 bị cáo về các tội phạm về tham nhũng theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Trong đó có 08 vụ với 10 bị cáo bị xét xử và kết án về tội tham ô tài sản theo Điều 278 BLHS; 02 vụ án với 08 bị cáo bị xét xử và kết án về tội nhận hối lộ theo Điều 279 BLHS; 01 vụ án với 01 bị cáo bị xét xử và kết án về tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo Điều 280 BLHS và 01 vụ án với 03 bị cáo bị xét xử và kết án về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo Điều 281 BLHS; 01 vụ án với 04 bị cáo bị xét xử và kết án về tội giả mạo trong công tác theo Điều 284 BLHS (thể hiện ở bảng 3.1 dưới đây).

Bảng 3.1: Tình hình xét xử các tội phạm về tham nhũng tại thành phố Đà Nẵng

Năm	Số vụ (13)	Bị cáo (22)	Tội danh	Mức án đã tuyên
2007	1	Nguyễn Đình Chiến	a, k3, Đ 278	07 năm tù
2009	2	Tống Viết Toại	a, k3, Đ 278	12 năm tù
		Lê Đắc Minh	K1, Đ 278	02 năm tù
		Lê Tấn Minh Trí	K1, Đ 278	18 tháng tù
	3	Hạ Ngọc Thạch	a, k4, Đ 278	19 năm tù
	4	Hồ Văn Mên	K2, Đ 280	15 năm tù
2013	5	Trần Phước Hưng	K2, Đ 278	45 tháng tù
	6	Nguyễn Đình Thân	c, k2, Đ 278	01 năm, 7 tháng tù
2014	7	Bùi Mạnh Hùng	a, k4, Đ 278	17 năm tù
	8	Bùi Hùng Minh	a, k4, Đ 278	15 năm tù
2015	9	Bùi Thị Hòa	a, k4, Đ 278	chung thân
	10	Trần Ninh	K1, Đ 279	12 tháng tù
	11	Thái Văn Hào	K1, Đ 281	06 tháng tù
		Đặng Bảo Long	K1, Đ 281	04 tháng tù

2016		Nguyễn Phước Thanh	K1, Đ 281	04 tháng tù
	12	Phạm Phú Cường	Đ 279	04 năm tù
		Hồ Tấn Hai	Đ 279	02 năm tù
		Thủy Ngọc Trọng	Đ 279	18 tháng tù
		Nguyễn Văn Ân	Đ 279	18 tháng tù
		Lý Thanh Tùng	Đ 279	12 tháng tù
		Nguyễn Văn Nhung	Đ 279	06 tháng tù
Đinh Ngọc Bán	Đ 279	09 tháng tù		
2017	13	Nguyễn Đức Thắng	c, K2, Đ 284	21 tháng tù
		La Văn Huỳnh	c, K2, Đ 284	15 tháng tù
		Trần Văn Kiên	c, K2, Đ 284	12 tháng
		Hoàng Thị Kim Dung	c, K2, Đ 284	09 tháng

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng)

3.2.1. Thực tiễn định tội danh với các tội phạm về tham nhũng

Trong một số vụ án, việc định tội danh của Tòa án cũng còn có ý kiến khác nhau, không hoàn toàn đồng tình với việc định tội danh của các tòa án đã xét xử. Qua đó cho thấy việc xác định dấu hiệu thuộc mặt khách quan của các tội phạm về tham nhũng cũng chưa thực sự rõ ràng, dễ gây nhầm lẫn giữa các tội phạm về tham nhũng cũng như các tội phạm khác.

3.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với các tội phạm về tham nhũng

Một là, trên cơ sở số liệu thống kê các vụ án đưa ra xét xử, có thể thấy rằng các bị cáo phạm Tội tham ô tài sản (Điều 278) và Tội nhận hối lộ (Điều 279) của BLHS năm 1999 ở thành phố chiếm tỷ lệ cao nhất (18/26 bị cáo, chiếm hơn 70%). Tỷ lệ này cũng tương đương với tỷ lệ các bị cáo bị xét xử về hai tội này trên toàn quốc là 77%. Cũng theo số liệu thống kê các vụ án tham nhũng tại thành phố Đà Nẵng nêu trên thì các tội phạm về tham nhũng ngày càng nguy hiểm, gây thiệt hại nhiều hơn nên tỷ lệ các bị cáo bị xét xử thuộc trường hợp nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng ngày càng tăng và tỷ lệ bị cáo được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ ngày càng giảm. Tuy nhiên, việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với các tội phạm về tham nhũng còn chưa được quan tâm, tỷ lệ bị cáo bị áp dụng

hình phạt bổ sung chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 7%), trong đó chủ yếu là cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm một công việc nhất định mà chưa quan tâm áp dụng hình phạt tiền với tư cách là hình phạt bổ sung.

Hai là, hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng xảy ra ở phạm vi rộng ở nhiều cấp, ngành và các lĩnh vực của đời sống xã hội; tính chất tham nhũng ngày càng phức tạp, nghiêm trọng với thủ đoạn ngày càng tinh vi.

Ba là, mức độ tham nhũng ngày càng lớn, hậu quả của các hành vi phạm tội về tham nhũng ngày càng nghiêm trọng.

Chương 4

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG

4.1. Yêu cầu áp dụng các quy định pháp luật hình sự về các tội phạm về tham nhũng

4.1.1. Áp dụng quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm về tham nhũng phải bám sát các mục tiêu, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng

Về nguyên tắc của pháp luật TTHS thì không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm không thể tách rời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội, do đó việc bám sát các quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp và PCTN có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo tính minh bạch, công khai và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật trong xét xử các tội phạm về tham nhũng.

4.1.2. Bảo đảm thực hiện đúng chính sách hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng trong thực tiễn xét xử trên cơ sở pháp luật

- Áp dụng pháp luật hình sự đối với tội phạm về tham nhũng luôn chịu sự ảnh hưởng bởi chất lượng của các quy định của pháp luật hình sự.

- Áp dụng pháp luật trong xử các vụ án tham nhũng của Tòa án còn chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi chất lượng của pháp luật TTHS.

Ngoài ra, tính khoa học, đồng bộ giữa các quy định pháp luật trong các lĩnh vực liên quan đến tội phạm về tham nhũng cũng có ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động xét xử.

4.1.3. Áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng phải gắn liền với việc nâng cao chất lượng đội ngũ thẩm phán

Tòa án các cấp cần thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy chế quản lý thẩm phán, công chức Tòa án; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi thẩm phán và tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của thẩm phán trong hoạt động xét xử.

4.1.4. Bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong xét xử các vụ án tham nhũng

Hiến pháp, Bộ luật TTHS, Luật Tổ chức TAND luôn quy định nguyên tắc "*Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*", vì vậy trong hoạt động xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm không phải chịu bất cứ một sự tác động nào, không phụ thuộc vào ý chí của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào.

4.1.5. Bảo đảm về cơ chế kiểm tra, giám sát xét xử các vụ án tham nhũng

Việc kiểm tra, giám sát được thể hiện qua sự lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ xét xử; đồng thời, việc xét xử các vụ án tham nhũng còn chịu sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc các cấp và sự kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

4.1.6. Áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng phải chú ý đến những đặc thù của các vụ án tham nhũng

- Chủ thể của các tội phạm tham nhũng là người có chức vụ, quyền hạn;
- Trong các tội phạm tham nhũng, người có chức vụ lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để thực hiện hành vi trái với công vụ, nhiệm vụ;
- Các tội phạm tham nhũng xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước; xâm phạm tài sản, lợi ích của Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- Các tội phạm tham nhũng đều có mục đích vụ lợi.

Đối với riêng thành phố Đà Nẵng, qua nghiên cứu các vụ án tham nhũng thời gian qua cho thấy trong các tội phạm về tham nhũng xảy ra trên địa bàn thành phố thì bị cáo phạm tội Tội tham ô tài sản (Điều 278) và Tội nhận hối lộ (Điều 279) của BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 chiếm tỷ lệ cao nhất. Điều này đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, Tòa án nói riêng cần chú trọng đánh giá đúng tính chất của các tội phạm về tham nhũng để áp dụng đúng các quy định pháp luật để truy cứu TNHS đối với các tội phạm về tham nhũng trong từng vụ việc cụ thể.

4.1.7. Áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

Bảo đảm môi trường pháp lý thuận lợi, minh bạch, an toàn là điều kiện đặc biệt quan trọng để thực hiện hội nhập quốc tế, một trong những yêu cầu quan trọng đó là phải xây dựng được hệ thống pháp hoàn thiện, bảo đảm sự tương thích với các chuẩn mực quốc tế, phù hợp với các điều ước quốc tế song phương và đa phương mà Việt Nam là thành viên (trong đó đáng chú ý là các cam kết của Việt Nam khi gia nhập Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng và những kinh nghiệm quốc tế về PCTN).

4.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định pháp luật hình sự về các tội phạm về tham nhũng

Cần tập trung một số giải pháp cơ bản sau đây:

4.2.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật.

4.2.1.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự.

Một là, sửa đổi, bổ sung một số tội danh về tham nhũng.

Hai là, hoàn thiện một số quy định về định tội đối với các tội phạm về tham nhũng.

Ba là, nghiên cứu xây một chương riêng về các tội phạm về tham nhũng trong BLHS.

4.2.1.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan

Hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng không chỉ phụ thuộc vào việc hoàn thiện pháp luật hình sự mà còn cần phải có sự hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan. Trong đó tập trung vào các vấn đề:

- Cần thiết phải có những quy định chặt chẽ hơn về vấn đề kiểm soát tài sản và thu hồi tài sản.
- Hoàn thiện quy định về việc bảo vệ người tố cáo, người cung cấp thông tin về vụ việc tham nhũng.
- Quy định rõ hơn về các hình thức xử lý và thẩm quyền xử lý các hành vi tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật khác có liên quan nhưng chưa đủ các yếu tố cấu thành tội phạm.
- Quy định cụ thể hơn phương thức tham gia của các tổ chức xã hội, chú trọng hơn đến vai trò giám sát xã hội đối với việc xét xử các vụ án tham nhũng.
- Nghiên cứu, sửa đổi quy định về chuyển đổi vị trí công tác cho phù hợp với tình hình thực tế đối với các chức danh, vị trí để có sự lợi dụng chức vụ, quyền hạn để xảy ra tham nhũng.
- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các địa phương, đơn vị.

Ngoài ra, để đảm bảo hiệu quả việc xử lý các tội phạm về tham nhũng, cần phải có cơ chế đảm bảo tính liêm chính của thẩm phán và cơ chế ngăn ngừa thẩm phán vi phạm pháp luật.

4.2.2. Một số giải pháp khác

- Tòa án các cấp thường xuyên tổng kết, đánh giá chất lượng hoạt động xét xử các vụ án tham nhũng.

- Tòa án các cấp cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xét xử các vụ án tham nhũng. Ngoài ra, Tòa án cần thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan như: Ban Nội chính các cấp, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan điều tra, cơ quan kiểm sát...

- Cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát của cấp uỷ đảng, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; đưa nội dung công tác PCTN vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm.

- Ngoài ra, các cơ quan có thẩm quyền cần coi trọng và phát huy vai trò của báo chí, của công luận trong công tác PCTN.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Việc nghiên cứu, luận giải khái niệm, đặc điểm của hành vi tham nhũng, tội phạm về tham nhũng cũng như các cơ chế PCTN là những vấn đề quan trọng đặt ra nghiên cứu để ngăn ngừa, đấu tranh có hiệu quả với tham nhũng.

2. Nghiên cứu pháp luật của các nước trên thế giới và pháp luật hình sự hiện hành của Việt Nam, có thể khái niệm: “Các tội phạm về tham nhũng là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ xâm phạm đến uy tín của cơ quan, tổ chức; tài sản, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nhằm mục đích vụ lợi”.

3. Trên cơ sở khái quát lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay cho thấy quy định về các tội phạm về tham nhũng ngày càng hoàn thiện.

4. Để áp dụng đúng các quy định pháp luật hình sự, vấn đề quan trọng nhất là áp dụng đúng các quy định về định tội danh và quyết định hình phạt.

5. Từ thực tiễn áp dụng quy định pháp luật hình sự trong xét xử các tội phạm về tham nhũng ở thành phố Đà Nẵng có thể thấy rằng cá biệt vẫn còn tình trạng định tội danh và quyết định hình phạt trong một số vụ án chưa thực sự đảm bảo tính thuyết phục, chưa thống nhất.

6. Để nâng cao hiệu quả PCTN trong thời gian tới, cần phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về hình sự và các quy định pháp luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của thể chế về PCTN.

7. Để phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế và bảo đảm hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng trong thời gian tới, các cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là Tòa án nhân dân cần bám sát các mục tiêu, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp và PCTN; việc áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng phải dựa trên cơ sở pháp luật; phải gắn liền với việc nâng cao chất lượng đội ngũ thẩm phán; bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong xét xử các vụ án tham nhũng; bảo đảm cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động xét xử các vụ án tham nhũng; chú ý đến những đặc thù của các vụ án tham nhũng; bảo đảm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

8. Một số giải pháp bảo đảm áp dụng quy định pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng trong thời gian tới là: Cần tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa Luật PCTN và BLHS quy định về các hành vi tham nhũng và các tội phạm về tham nhũng; quy định cụ thể việc áp dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn việc tẩu tán tài sản tham nhũng; nghiên cứu mô hình phù hợp để tạo sự độc lập tương đối của cơ quan thanh tra; bổ sung quy định về thẩm quyền khởi tố và điều tra ban đầu cho thanh tra và kiểm toán đối với các vụ việc qua thanh tra, kiểm toán phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.

9. Cùng với các giải pháp hoàn thiện pháp luật, để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng, cần thiết phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp cụ thể như: Tòa án các cấp thường xuyên tổng kết, đánh giá chất lượng hoạt động xét xử các vụ án tham nhũng; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xét xử các vụ án tham nhũng; tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát của cấp uỷ đảng, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng và các tội phạm về tham nhũng.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Trần Huy Đức (2016), *“Bàn về tội phạm tham nhũng theo Bộ luật hình sự năm 2015”*, Tạp chí Nghề luật số 4.
2. Trần Huy Đức (2017), *Tìm hiểu thêm về các yếu tố cấu thành tội phạm tham nhũng theo pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Nghề luật số chuyên đề.
3. Kỹ năng nghiệp vụ hội thẩm dùng trong xét xử các vụ án hình sự - *Nhà xuất bản Tư pháp phát hành năm 2017*.